

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày 25-5-2023

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Khúc Thị Minh

Bà Phan Thị Minh Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Ngô Quang T, sinh năm 1969; HKTT: Thôn K1, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện ở: Thôn K2, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Bà Ngô Thị D, sinh năm 1970; địa chỉ nơi cư trú: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

**NỘI D VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 03/02/2023 và bản tự khai ngày 03/4/2023, ông T trình bày:

Ông tự nguyện chung sống với bà Ngô Thị D thời gian từ tháng 12 năm 1989, có tổ chức cưới, sống công khai nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 13 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 01 năm 2002 do

phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung thủy và không thống nhất về quản lý kinh tế. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi mắng nhau. Mặc dù gia đình, thôn xóm đã hòa giải nhiều lần để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2002 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; ông xin ly hôn bà D.

Về con chung: Có 01 con là Ngô Minh T1, sinh ngày 10/10/1990, đã trưởng thành trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động để tự nuôi mình, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Ngô Thị D trình bày tại bản tự khai ngày 18/4/2023: Bà tự nguyện chung sống với ông T từ tháng 12/1989, có tổ chức cưới, sống công khai nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2002 thì phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung thủy, không thống nhất về quản lý kinh tế. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi mắng nhau. Mặc dù gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 tháng 2002 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay bà xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài; bà xin ly hôn ông T.

Về con chung: Có 01 con là Ngô Minh T1, sinh ngày 10/10/1990, đã trưởng thành trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động để tự nuôi mình, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông T tự nguyện chung sống với bà D thời gian từ tháng 12 năm 1989, có tổ chức cưới, sống công khai nhưng không đăng ký kết hôn

theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 13 năm đến tháng 01 năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn đến nay ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2002 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay ông T và bà D đều xin ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b Mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận ông Ngô Quang T và bà Ngô Thị D là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Ngô Minh T1, sinh ngày 10/10/1990, đã trưởng thành trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động để tự nuôi mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà D tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 12/1989, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đánh giá chung, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 13 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn phát sinh từ tháng 01 năm 2002 do phong cách sống không còn phù hợp, không thống nhất với nhau về quản lý kinh tế, nghi ngờ nhau sống không chung thủy. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2002 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay ông T và bà D đều xin ly hôn. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b Mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Cần xử tuyên bố không công nhận ông T và bà D là vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Ngô Minh T1, sinh ngày 10/10/1990, đã trưởng thành trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động để tự nuôi mình, đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Ngô Quang T và Ngô Thị D là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con là Ngô Minh T1, sinh ngày 10/10/1990 đã trưởng thành trên 18 tuổi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: Đề Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001908 ngày 03 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Ông T đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thanh Huyền**